**Tiếng Việt**

**Luyện từ và câu: BIỆN PHÁP NHÂN HÓA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nắm được khái niệm biện pháp nhân hóa và nhận biết được các vật, hiện tượng được nhân hóa, biện pháp nhân hóa.

- Nói và viết được câu văn sử dụng biện pháp nhân hóa.

2. Năng lực: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

3. Phẩm chất: Bồi dưỡng tình yêu tiếng Việt, yêu văn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu(2-3’):**  **- Trò chơi: Ai nhanh, ai đúng?**  **Câu 1**: Trong các câu văn sau, câu nào sử dụng biện pháp so sánh?  A. Mẹ em là cô giáo.  **B. Nhìn từ xa, cây bàng như một chiếc ô xanh khổng lồ.**  C. Minh và Nam là đôi bạn thân.  + Vì sao em biết câu B có sử dụng biện pháp so sánh?  **Câu 2**: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ chấm trong câu sau:  Mặt hồ như một …….  A. bông hoa  B. chiếc bánh xe  **C. chiếc gương lớn**  **+** Trong câu này những sự vật nào được so sánh với nhau?  Câu 3: Câu văn nào có hình ảnh sinh động, ngộ nghĩnh?  **A. Quả sim giống hệt một con trâu mộng tí hon, béo tròn múp míp.**  B. Quả sim to, tròn.  + Việc sử dụng biện pháp so sánh trong câu văn có tác dụng gì?  Qua phần khởi động, các con vừa được ôn lại biện pháp so sánh. Các con biết sử dụng so sánh để viết câu văn giàu hình ảnh gợi tả. Ở chương trình lớp 4 này, chúng ta cũng được học một biện pháp nghệ thuật nữa. Biện pháp này có gì hay? Cô trò mình cùng khám phá qua bài học ngày hôm nay: Biện pháp nhân hóa.  - Giới thiệu bài – ghi bài  Để hiểu được nhân hóa nghĩa là gì? Cô trò mình cùng nhau tìm hiểu qua BT1. | **-** HS chơi trò chơi.  - HS nêu đáp án.  - Trong câu có từ so sánh: như  - mặt hồ - chiếc gương lớn  - … giúp câu văn trở nên sinh động, hấp dẫn. |
| **2. Luyện tập, thực hành (22-25’):**  **Bài 1/78:**  - Gọi HS đọc thầm yêu cầu.  - G gọi 1HS đọc to đoạn văn | - 1 HS đọc to yêu cầu  - 1HS đọc to đoạn văn, lớp đọc thầm.  - *Mỗi từ in đậm …..*  - HS thảo luận và thống nhất câu trả lời.  - Chia sẻ:  + Trong đoạn văn nhắc tới những con vật nào?  + Các con vật đó được gọi bằng những từ ngữ nào? ( anh, cô, chị, … -> gọi người)  + Bạn có nhận xét gì về cách dùng từ trên?   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Stt | Từ in đậm | Con vật | | 1 | **anh** | chuồn chuồn ớt | | 2 | **cô** | chuồn chuồn kim | | 3 | **chú** | bọ ngựa | | 4 | **ả** | cánh cam | | 5 | **chị** | cào cào | | 6 | **bác** | giang, dẽ |   - gọi người  - Việc sử dụng từ ….. khiến cho các con vật đó trở nên gần gũi, sinh động hơn. |
| + BT 1 yêu cầu gì?  - Gọi 1 HS đọc to các từ in đậm: **anh, cô, chú, ả, chị, bác.**  - Giao việc: Thảo luận nhóm đôi thực hiện yêu cầu bài tập.  + Việc 1: Xác định tên con vật được nhắc đến trong đoạn văn.  + Việc 2: Nhận xét gì về cách dùng những từ đó trong đoạn văn.  - Cho HS quan sát hình ảnh các con vật: chim giang, chim dẽ.  *Chim giang là một loài chim thuộc họ hạc. Chúng sống và tìm mồi theo bầy ở các vùng nước nông dọc theo sông, hồ.*  *Chim dẽ là một loài chim nhỏ, có mỏ thanh mảnh. Loài chim này có cách sống rất đặc biệt, thường xuất hiện lúc rạng đông hay trời chạng vạng.*  + Các từ: anh, cô, chú, ả, chị, bác… thường được dùng để gọi ai?  + Tại sao ko gọi cánh cam là chị hay cô mà tác giả lại gọi cánh cam là ả?  + Các từ: anh, cô, chú, ả, chị, bác… vốn được dùng để gọi người. Tuy nhiên trong đoạn văn, tác giả lại dùng các từ đó để gọi các con vật. Việc sử dụng từ trong trường hợp này có tác dụng gì?  - GV chốt: *Các em ạ, việc dùng các từ gọi người để nói về các con vật trong BT1 được gọi là nhân hóa. Nhờ cách sử dụng từ đó mà các con vật trở nên đáng yêu hơn, sống động hơn trong mắt người đọc, người nghe.*  Ngoài cách gọi tên người để gọi tên vật thì còn có cách miêu tả nào khác, cô trò mình cùng chuyển sang BT2. |
| **Bài 2/79:**  - Gọi HS nêu yêu cầu bài. | - HS nêu |
| - Yêu cầu HS làm việc cá nhân: Khoanh tròn vật (các hiện tượng tự nhiên) được miêu tả, gạch chân các từ chỉ hoạt động, đặc điểm của người được dùng để tả.  Thống nhất kết quả trong nhóm 4 (2’) | - HS đọc bài thơ, tìm từ ngữ theo yêu cầu của bài tập.  - Đại diện nhóm trình bày  HS lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến.   |  |  | | --- | --- | | Bụi tre | Tần ngần, gỡ tóc | | Hàng bưởi | Bế lũ con | | Chớp | Rạch ngang trời | | Sấm | Ghé xuống sân, cười… | | Cây dừa | Sải tay bơi | | Ngọn mùng tơi | Nhảy múa | |
|  |
| - GV chốt bài: *Các em biết không, đây là đoạn thơ rất hay được trích trong bài thơ Mưa của nhà thơ Trần Đăng Khoa. Để miêu tả chuyển động của các sự vật trước cơn mưa, tác giả đã sử dụng rất tài tình các từ chỉ hoạt động đặc điểm của người để nói về vật: Những cành tre và lá tre bị gió thổi mạnh được hình dung như mớ tóc của bụi tre đang gỡ rối. Những quả bưởi được ví như trẻ con đầu không có tóc đang đưa đi đưa lại trước gió, sấm cười, cây dừa sải tay bơi, ngọn mồng tơi nhảy múa… Tất cả mọi vật vô tri đều như có hồn nhờ sự liên tưởng phong phú của tác giả.*  Ngoài cách dùng các từ xưng hô để gọi, tả, kể sự vật, ta còn dùng những từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm của người để tả các sự vật. Đó chính là biện pháp nhân hóa. Vậy nhân hóa là gì? Có mấy cách nhân hóa? Là những cách nào?  -> Ghi nhớ SGK/79  **Bài 3/79:**  - Gọi HS nêu yêu cầu bài  + BT3 yêu cầu gì? | Chia sẻ:  + Những vật hoặc các hiện tượng tự nhiên nào được tả trong đoạn thơ?  + Để tả cây dừa, tác giả đã dùng từ chỉ hoạt động hay đặc điểm để miêu tả?  + Ngoài dùng từ chỉ hoạt động của người để miêu tả, những sự vật nào được tác giả sử dụng từ chỉ đặc điểm để miêu tả?  + Việc dùng các từ chỉ hoạt động đặc điểm của người để tả vật có tác dụng gì?  + Bạn thích hình ảnh nào trong đoạn thơ? Vì sao bạn thích hình ảnh đó?  - HS quan sát.  - HS nêu  - 1-2HS đọc  - *Trong đoạn thơ, những vật và hiện tượng tự nhiên nào …* |
| - GV giao việc: HS làm việc cá nhân: Khoanh tròn từ chỉ vật và các hiện tượng tự nhiên được nhân hóa, gạch chân các từ dùng để nhân hóa. | - HS tìm và viết vào SGK, thống nhất kết quả vào bảng nhóm  - H báo cáo trong nhóm đôi, H khác nhận xét, bổ sung.   |  |  | | --- | --- | | Mầm cây | *tỉnh giấc* | | Hạt mưa | *trốn tìm* | | Cây đào | *lim dim, cười* | | Quất | *gom nắng* |   Chia sẻ:  + Những sự vật nào được nhân hóa trong đoạn thơ?  + Các sự vật đó được nhân hóa bằng cách nào? |
| - GV chốt: *Trong bài thơ tác giả sử dụng các từ “ tỉnh giấc, trốn tìm, mắt cười” để nhân hóa các cảnh vật thiên nhiên: mầm cây, hạt mưa, cây đào cũng có tính cách như con người. Mầm cây sau một giấc ngủ dài mùa đông lại bừng tỉnh giấc khi mùa xuân về; hạt mưa mùa xuân như những em bé tinh nghịch mải miết chơi trò trốn tìm. Cây đào trước cửa đang lim dim mắt cười, đón chào mùa xuân tươi đẹp. Việc dùng từ chỉ hoạt động, đặc điểm của người để nói về hoạt động, đặc điểm của vật…. giúp cho sự vật trở nên sinh động, hấp dẫn hơn phải không các em?*  **Bài 4/79:**  - Gọi HS nêu yêu cầu  - GV yêu cầu HS đặt câu vào vở, đổi vở chia sẻ cặp đôi.  - GV nhận xét, tuyên dương HS đặt câu tốt, hình ảnh sinh động, ngộ nghĩnh. |  |
| - HS đọc yêu cầu  - HS đặt câu.  Chia sẻ: Trong câu vừa đặt, bạn đã sử dụng cách nhân hóa nào? |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm(2-3’):**  - Nhân hóa là gì? Có những cách nhân hóa nào? | - 2-3 HS trả lời  - HS thực hiện  - Nhận xét về bạn, về mình, nêu cảm nhận của em qua tiết học. |
| - Đặt câu có sử dụng hình ảnh nhân hóa nói về học tập.  - Nhận xét giờ học.  - VN tìm thêm những bài văn, bài thơ hay bài hát có sử dụng phép nhân hóa và chỉ ra biện pháp nhân hóa được sử dụng trong bài?  Chuẩn bị bài sau: Luyện tập biện pháp nhân hóa. |